TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE** Số: 24/2025/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thành phố Bến Tre, ngày 17 tháng 02 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 212, 213, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Vũ Nhất L, sinh năm 1970; địa chỉ: Số A, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vũ Nhất L và bà Nguyễn Thị Hằng N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C (nay là xã B, thành phố B), tỉnh Bến Tre vào ngày 18/01/1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau nên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Ông L và bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông L và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, không yêu cầu

cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vủ T, sinh ngày 30/3/1992 và Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 28/02/2001 đã trưởng thành nên không xét đến.

[3] Về tài sản chung: Ông L và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[4] Về nợ chung: Ông L và bà N khai không có nên không xét đến.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông L và bà N thống nhất tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của ông L và bà N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vũ Nhất L và bà Nguyễn Thị Hằng N thuận tình ly hôn. Ông L và bà N không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vủ T, sinh ngày 30/3/1992 và Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 28/02/2001 đã trưởng thành nên không xét đến.

- Về tài sản chung: Ông L và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- Về nợ chung: Ông L và bà N khai không có nên không xét đến.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Vũ Nhất L và bà Nguyễn Thị Hằng N tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0005591 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông L và bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm My